

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**NĂM TÀI CHÍNH 2017**

**(TỪ 01/04/2017 ĐẾN 31/03/2018)**

**HÀ NỘI, THÁNG 6/2018**

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

**Năm báo cáo: 2017**

**(Từ ngày 01/4/2017 đến 31/3/2018)**

### **I. THÔNG TIN CHUNG:**

#### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101275603
- Vốn điều lệ: 40.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 40.500.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 3/89 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: (84-4) 37534862
- Số fax: (84-4) 38361898
- Website: <http://www.vangthanglong.com.vn>
- Mã cổ phiếu: **VTL**

#### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

- Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tiền thân là Xí nghiệp nước giải khát Thăng Long ra đời ngày 24 tháng 3 năm 1989 trực thuộc Công ty Rượu bia Hà Nội.
- Ngày 16/8/1993: Đổi tên thành Công ty Rượu nước giải khát Thăng Long.
- Năm 2001, thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Thăng Long theo Quyết định số 54/2001/QĐ-TTg ngày 23/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Công ty Cổ phần Thăng Long với số vốn điều lệ ban đầu 11,6 tỷ đồng.
- Tháng 11/2003: Công ty tăng vốn lên 14.047.100.727 đồng.
- Năm 2005: Công ty tăng vốn lên 18.000.000.000 đồng
- Ngày 14/7/2005: Cổ phiếu Công ty được niêm yết và giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 25/5/2009: Đổi tên Công ty cổ phần Thăng Long thành Công ty cổ phần Vang Thăng Long (Giấy đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 8 số 0103001012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 25/5/2009).
- Ngày 22/10/2009: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long, vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104008334), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.
- Ngày 19/6/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 27.000.000.000 đồng.
- Ngày 08/10/2013: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư địa ốc Thăng Long, vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106328714), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.
- Tháng 4/2018: Công ty tăng vốn điều lệ lên 40.500.000.000 đồng.

#### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

##### **3.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất rượu vang.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng).
- Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: San lấp mặt bằng).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận tải hàng hóa).
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô).
- Chế biến và bảo quản rau quả (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản rau quả).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản thực ăn đông lạnh; Sản xuất các mặt hàng công nghệ phẩm).
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán rau quả, thực ăn đông lạnh; Kinh doanh xuất nhập khẩu thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm; Buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm; Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống; Kinh doanh thực phẩm chế biến).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy hải sản).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, thủy hải sản; Sản xuất các mặt hàng tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Mua bán hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Ký gửi hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở; Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở, văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày).
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền SX nước giải khát có gas).
- Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu đồ uống có cồn).
- Bán buôn gạo (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu lương thực; Kinh doanh lương thực).
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ; Buôn bán hàng thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nhựa, hàng tiêu dùng; Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất; Buôn bán các mặt hàng nhựa).
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc; Buôn bán hàng may mặc đồ da và giả da).
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế).
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke))
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Buôn bán vật liệu và thiết bị xây dựng).
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc đồ da và giả da).
- In ấn (Chi tiết: Sản xuất sản phẩm in các loại).
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Buôn bán sản phẩm in các loại).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất đồ uống không có cồn).
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì).
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn).
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh).
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

**3.2. Địa bàn kinh doanh:** Toàn quốc

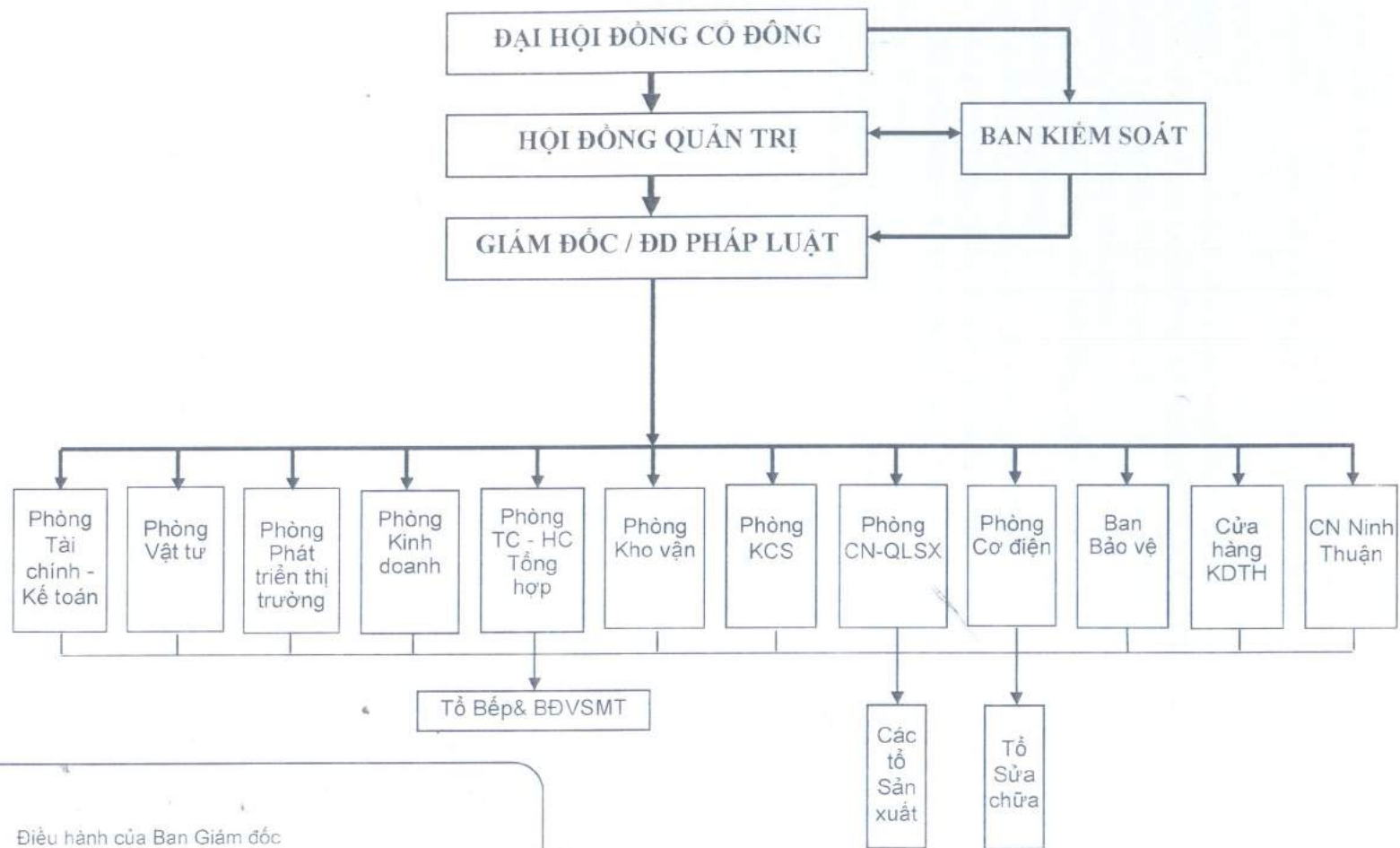
### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

#### **4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:**

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc và các Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG NĂM TÀI CHÍNH 2017



**Ghi chú:**

- Điều hành của Ban Giám đốc
- Điều hành cấp Phòng
- Phối hợp công việc giữa các Phòng, Ban và các đơn vị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**4.2. Hệ thống chi nhánh:**

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại Ninh Thuận
- Địa chỉ: Số 62A Lê Duẩn, TP Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận.

**4.3. Công ty con:**

**4.3.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long**

- Địa chỉ: Số 3/89 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm rượu, đồ uống có cồn, không cồn, hàng công nghệ phẩm.
- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long.

**4.3.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long**

- Địa chỉ: Số 343 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vốn điều lệ thực góp: 6.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long.

**4.4. Công ty liên kết:**

**4.4.1. Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long**

- Địa chỉ: Số 3/89 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Bán buôn đồ uống.
- Vốn điều lệ thực góp: 270.000.000 đồng chiếm 45% vốn điều lệ Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long.

**5. Định hướng phát triển:**

**5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Xây dựng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long thành Công ty vững mạnh, chuyên nghiệp, phấn đấu trở thành một Công ty cung cấp rượu vang hàng đầu Việt Nam.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO. Hiện nay, Công ty đang sử dụng ISO 22000 và ISO 14001.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm Vang Thăng Long, đưa ra các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu thị trường theo thời quen tiêu dùng quốc tế hướng tới xuất khẩu sang thị trường khu vực và các nước Châu Á.
- Cùng cố, phát triển vùng nguyên liệu sạch, chất lượng cao tại các tỉnh phía Nam đồng thời xây dựng và mở rộng tại các tỉnh phía Bắc để chủ động nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.
- Cùng cố, hoàn thiện kênh phân phối, có chính sách hợp lý và linh hoạt đối với các đối tượng khách hàng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.
- Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, nghiên cứu phát triển thị trường.

**5.2. Chiến lược phát triển:**

- Mở rộng hệ thống tiêu thụ trong nước.
- Phát triển hệ thống đại lý quốc tế.
- Duy trì và không ngừng phát triển thương hiệu Vang Thăng Long có uy tín cao tại thị trường Việt Nam, trong khu vực và Châu Á.
- Đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất Vang Thăng Long.
- Mở rộng đầu tư xây dựng, kinh doanh văn phòng, nhà ở.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**6. Các rủi ro:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Vang Thăng Long là sản xuất các loại rượu Vang - các sản phẩm được lên men từ các loại trái cây nhiệt đới sẵn có của Việt Nam như: Dâu, mơ, sơn tra, dứa, nho...

Vì vậy, điều kiện về thời tiết là một trong những yếu tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, ảnh hưởng đến sản lượng, chất lượng và giá thành của sản phẩm.

Ngoài ra, các rủi ro về giá cả, tín dụng và thị trường cũng có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2017 (Từ ngày 01/04/2017 đến 31/03/2018):****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Một số chỉ tiêu chủ yếu: (Số liệu đã được kiểm toán và chưa được quyết toán thuế)

TT <sub>2</sub>	Chỉ tiêu	KH năm tài chính 2017	TH năm tài chính 2017	Tỷ lệ đạt
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	85	74,28	87,4%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)	4,0	4,04	101%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	3,0	3,4	113%
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	6% - 8%	7%	

**2. Tổ chức và nhân sự:****2.1. Danh sách Ban điều hành:**

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành	849.888	20,98%	
2	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	450	0,01%	

\* Tóm tắt lý lịch Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2018:

**2.1.1.**

Họ và tên: **Phạm Xuân Hà** Giới tính: Nam  
 Họ và tên thường gọi: Phạm Xuân Hà  
 Sinh ngày: 20 tháng 02 năm 1956  
 Nơi thường trú: 8A, Đặng Tất, Ba Đình, Hà Nội  
 Dân tộc: Kinh  
 Tôn giáo: Không  
 Trình độ văn hóa: 10/10  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư  
 Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long  
 Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc điều hành

**Tóm tắt quá trình học tập, công tác**

- 1975 - 1977: Đi nghĩa vụ quân sự tại trung đoàn căn cứ F372  
 - 1978 - 1983: Học Đại học Bách khoa Hà Nội  
 - 1983 - 1990: Cán bộ Thanh tra Thành phố Hà Nội  
 - 1991 - 2001: Làm việc lại cơ sở sản xuất tư nhân

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- 2001 - 2006: Làm việc tại Công ty TNHH Hà Phong
- 2007 - 2013: Làm việc tại Công ty IDJ - Financial
- 2008 - 2010: Làm việc tại Công ty phát triển giáo dục IDJ. Edu
- T4/2010 - T5/2012: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- T5/2012 - T5/2017: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- T5/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

### 2.1.2.

Họ và tên: **Trần Thị Hoàng Liên** Giới tính: Nữ  
Họ và tên thường gọi: Trần Thị Hoàng Liên  
Sinh ngày: 15 tháng 08 năm 1974  
Quê quán: Quảng Minh, Quảng Trạch, Quảng Bình  
Nơi thường trú: Số 27 ngách 235/15 Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Dân tộc: Kinh  
Tôn giáo: Không  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế  
Trình độ chính trị: Trung cấp  
Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long  
Chức vụ: Kế toán trưởng

#### Tóm tắt quá trình học tập, công tác

- T9/1992 - 1996: Học Trường Đại học kinh tế quốc dân - Chuyên ngành Kinh tế quốc tế
- T12/1996 - T4/2001: Nhân viên Phòng Hành chính Công ty Rượu - NGK Thăng Long
- T4/2001 - T5/2005: Cán bộ Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2005 - T5/2006: Quyền trưởng Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2005 - T6/2007: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- T5/2006 - 30/1/2008: Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- 31/1/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

\* Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

### 2.2. Số lượng CNCV:

STT	Đơn vị	31/3/2017	31/3/2018	Ghi chú
1	Khối Vang	91	92	
2	Cửa hàng KDTH	4	4	
3	Chi nhánh Ninh Thuận	2	2	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>97</b>	<b>98</b>	

## **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

### **3.1. Tình hình thực hiện các dự án:**

\* Dự án 343 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội:

Trong năm tài chính 2017, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã làm lại các thủ tục và xin được chấp thuận của UBND Thành phố Hà Nội cho phép chuyển nhượng dự án "Trung tâm giao dịch, giới thiệu và bán sản phẩm" cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á.

\* Dự án 181 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội:



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tiếp tục hợp tác với Công ty cổ phần siêu thị VHSC (VietNam) triển khai dự án "Tòa nhà Trung tâm thương mại, văn phòng làm việc" tại 181 Lạc Long Quân. Dự án đã được UBND Thành phố Hà Nội cấp giấy phép đầu tư mới ngày 26/01/2018. Công ty đã hoàn thành thiết kế cơ sở, thỏa thuận cấp điện, nước, môi trường, phòng cháy chữa cháy cho dự án. Công ty đang thiết kế bản vẽ thi công để xin cấp giấy phép xây dựng dự án.

\* Di dời nhà máy sản xuất Vang Thăng Long:

Công ty đã triển khai xây dựng phương án di dời Nhà máy sản xuất Vang Thăng Long sang Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro tại Lệ Chi - Gia Lâm - Hà Nội.

**3.2. Công ty con:**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con đạt được như sau:

**3.2.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long:**

Nội dung	TH 2016	TH 2017	So sánh TH 2017/2016
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	14,2	4,0	28,2%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	11,3	3,1	27,4%
Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)	0,6	0,13	21,7%
Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	0,5	0,11	22%

**3.2.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long:**

Nội dung	TH 2016	TH 2017	So sánh TH 2017/2016
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	0	0	
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	0	0	
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	0	0	
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	0	0	

**3.3. Công ty liên kết:**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long đạt được như sau:

Nội dung	TH 2016	TH 2017	So sánh TH 2017/2016
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	33,6	45,5	135,4%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	33,6	45,5	135,4%
Lợi nhuận trước thuế TNDN (tỷ đồng)	0,2	0,21	105%
Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	0,1	0,16	106%

**4. Tình hình tài chính:****a) Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng - giảm
Tổng giá trị tài sản	131.383.241.853	145.599.721.222	110,8%
Doanh thu thuần	79.780.575.711	73.560.010.038	92,2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.788.838.971	3.134.760.207	82,7%
Lợi nhuận khác	67.761.992	908.448.025	1.340,6%
Lợi nhuận trước thuế	3.856.600.963	4.043.208.232	104,8%
Lợi nhuận sau thuế	2.700.895.762	3.421.629.842	126,7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6%	7%	

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,91	1,04	114,3%
+ Hệ số thanh toán nhanh: TS ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,31	0,35	112,9%
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,76	0,67	88,2%
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	3,19	2,19	68,7%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1,07	0,86	80,4%
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,61	0,51	83,6%
<b>4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời:</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,03	0,05	166,7%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,09	0,07	77,8%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,02	0,02	100%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,05	0,04	80%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:****5.1. Cổ phần:**

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Tổng số cổ phần: 4.050.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành và cổ phiếu quỹ:

Loại cổ phiếu	Số cổ phiếu
1. Cổ phiếu đang lưu hành	4.050.000
2. Cổ phiếu quỹ	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.050.000</b>

**5.2. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 11/5/2018:**

- Phân loại theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông lớn	2.956.645	73%	4
Cổ đông nhỏ	1.093.355	27%	283
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.050.000</b>	<b>100%</b>	<b>287</b>

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông tổ chức	1.643.379	40,6%	8
Cổ đông cá nhân	2.406.621	59,4%	279
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.050.000</b>	<b>100%</b>	<b>287</b>

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước	4.008.500	98,98%	267
Cổ đông nước ngoài	41.500	1,02%	20
Tổng cộng	4.050.000	100%	287

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông nhà nước	1.619.932	40%	1
Cổ đông khác	2.430.068	60%	286
Tổng cộng	4.050.000	100%	287

(Cổ đông Nhà nước là Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

5.3. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không có

5.4. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có

5.5. *Các chứng khoán khác:* Không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:

#### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Kinh tế trong nước năm 2017 nhìn chung khá ổn định, tuy nhiên, với ngành Bia, rượu nói riêng gặp khá nhiều khó khăn: Thuế Tiêu thụ đặc biệt tiếp tục tăng nhưng giá bán không thể tăng tương ứng với việc tăng thuế do sức mua của dân chưa cao, ngoài ra người tiêu dùng còn có nhiều lựa chọn các sản phẩm rượu nhập ngoại được nhập về Việt Nam ngày càng nhiều hơn. Vì vậy thị phần, lợi nhuận và doanh số rượu giảm.

Trong năm, Thành phố có quyết định thu hồi đất ở những dự án chậm triển khai do các năm trước để lại. HĐQT và Ban điều hành Công ty đã rất cố gắng tìm mọi biện pháp để giữ lại đất; Khai thác triệt để các tiềm lực sẵn có về địa tô ... cơ bản vượt qua khó khăn, đạt được những chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	CHỈ TIÊU	KH NĂM TÀI CHÍNH 2017	TH NĂM TÀI CHÍNH 2017	TỶ LỆ ĐẠT (%)
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	85	74.28	87.38
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	4.0	4.0	100
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	3.0	3.4	113
4	Quỹ lương tối đa (tỷ đồng)	7.5	6.9	92
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	6-8	7	100

Mặc dù doanh thu đạt 87.38% so với kế hoạch vì sản lượng tiêu thụ không đạt được theo kế hoạch đề ra do thuế suất thuế TTĐB tăng, giá bán ra phải điều chỉnh tăng để bù đắp phần thuế tăng, trong khi nhu cầu tiêu dùng về sản phẩm đang chững lại, có quá nhiều sản phẩm cạnh tranh, sản phẩm thay thế.

- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch 13% là một sự cố gắng lớn vì:
- + Tiết giảm chi phí, cụ thể chi phí tiền lương giảm (đạt 92% so với kế hoạch);
- + Khai thác triệt để lợi nhuận địa tô tại các mảnh đất chờ làm dự án như cho thuê kiot, kho hàng.

+ Khai thác công suất thiết bị sản xuất và nhân lực, cụ thể nhận gia công đóng rượu vang cho đối tác khách hàng.

+ Quyết liệt hơn trong việc thu hồi công nợ tiền hàng.

Như vậy dù có những khó khăn do chủ quan và khách quan như đã nêu trên, nhưng với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và cùng toàn thể CBNV Công ty bằng các giải pháp Thị trường, Tái cơ cấu tổ chức - hoạt động, Tài chính, khai thác tối đa hệ thống mạng lưới... nên đã có kết quả SXKD sát với kế hoạch..

## **2. Lợi nhuận và phân chia lợi nhuận năm tài chính 2017:**

### **2.1. Kết quả SX-KD năm tài chính 2017:**

- Tổng doanh thu hoạt động SXKD: 74.276.377.845 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 4.043.208.232 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 3.421.629.842 đồng
- Trừ lợi nhuận liên kết năm 2017: 69.977.761 đồng.
- Lợi nhuận còn lại của năm 2017 (chưa quyết toán thuế) được phép chia cổ tức và trích lập các quỹ: 3.351.652.081 đồng.

### **2.2. Phân chia lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2017:**

- Thực hiện chia cổ tức 7%: 2.835.000.000 đồng
- Số còn lại 516.652.081 đồng của lợi nhuận sau thuế, chờ quyết toán thuế xong xin bổ sung quỹ khen thưởng - phúc lợi.

### **3. Kết quả thực hiện các dự án đầu tư:**

<b>Dự án</b>	<b>KQ thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo</b>
Dự án 343 Lạc Long Quân	Trong năm, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã làm lại các thủ tục và xin được chấp thuận của Thành phố cho phép chuyển nhượng dự án Trung tâm giao dịch, giới thiệu và bán sản phẩm cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Tân Á
Khu đất 181 Lạc Long Quân	Tiếp tục các thủ tục để hợp tác đầu tư khai thác địa điểm 181 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội với Công ty CP Siêu thị VHSC (Vietnam)
Di dời Nhà máy sản xuất Vang Thăng Long	Tiếp tục xây dựng phương án di dời Nhà máy sản xuất vang Thăng Long sang Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro tại Lê Chi - Gia Lâm - Hà Nội.

### **4. Báo cáo tình hình sử dụng vốn phát hành ra công chứng năm 2017:**

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2016; Nghị quyết của HĐQT Công ty số 15/2016/NQ-HĐQT ngày 16/12/2016, Công ty đã tiến hành phát hành cổ phiếu ra công chứng và kết quả thực hiện như sau:

- Tổng số tiền huy động từ đợt phát hành là: 13.500.000.000 đồng (*Mười ba tỷ, năm trăm nghìn đồng chẵn*).
- Số tiền huy động thực tế là: 13.498.900.000 đồng (trừ phí chuyển tiền của VSD) (*Mười ba tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn*).
- Số tiền giải ngân dự kiến theo hồ sơ phát hành là:
  - + Đầu tư mở rộng hệ thống phân phối: 4,0 tỷ đồng

- + Nhập nguyên vật liệu: 6,0 tỷ đồng
  - + Nghiên cứu sản phẩm: 3,5 tỷ đồng
  - Số tiền giải ngân thực tế theo Nghị quyết của HĐQT số 20/NQ/CPVTL-HĐQT như sau:
    - + Mua nguyên vật liệu: 108.012.000 đồng
    - + Trả tiền vay mua nguyên vật liệu: 12.716.562.994 đồng
    - + Mua sắm thiết bị, máy móc: 432.885.600 đồng
    - + Số tiền chưa sử dụng hết đến 31/3/2018: 241.439.406 đồng
- Ban điều hành Công ty dự kiến sẽ sử dụng để mua sắm máy móc thiết bị và mua nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ báo cáo tới quý cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông 2019.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2017:**

Trong năm tài chính 2017, một loạt các chính sách của Nhà nước bắt buộc đã được thực thi:

- Luật Bảo hiểm xã hội quy định đóng bảo hiểm cho người lao động căn cứ vào mức lương và phụ cấp lương thực tế theo thang bảng lương doanh nghiệp tự xây dựng.
- Tăng mức lương tối thiểu vùng từ 3.500.000 đồng/tháng lên 3.750.000 đồng/tháng.
- Nhà nước tăng thuế tiêu thụ đặc biệt thêm 5% từ 01/01/2018 làm cho công ty phải chịu áp lực lớn về các khoản phải nộp ngân sách nhà nước vì đây là tháng bán hàng chủ yếu của năm tài chính 2017 của Công ty.

Với sự nỗ lực, tận tâm, tận lực với Công ty, các thành viên HĐQT Công ty thống nhất tập trung ý chí chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện và đã đạt được những kết quả nhất định như sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu về sản xuất.
- Đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty đã đàm phán thành công với đối tác Chi Lê và được chấp thuận nhập khẩu vang Chi Lê, đóng chai và tiêu thụ trên toàn cầu.

Trong năm tài chính 2017, Công ty đã nhập khẩu 48.000 lít rượu vang Chi Lê về đóng chai và tiêu thụ thí điểm trên thị trường trong nước. Công tác tiêu thụ vang Chi Lê bước đầu có dấu hiệu tốt, làm bàn đạp cho việc xây dựng kế hoạch phát triển trong các năm tới của Công ty.

- Chuyển đổi thành công quyền thuê lại đất thuê có hạ tầng với Công ty cổ phần Rượu Hapro tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro (Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội).
- Hợp tác với Công ty cổ phần siêu thị VHSC (VietNam) triển khai dự án "Tòa nhà thương mại, dịch vụ và văn phòng" tại 181 Lạc Long Quân: Dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp giấy phép đầu tư mới ngày 26/01/2018. Công ty đã hoàn thành thiết kế cơ sở, thỏa thuận cấp điện, nước, môi trường, phòng cháy chữa cháy cho dự án. Công ty đang thiết kế bản vẽ thi công để xin cấp giấy phép xây dựng dự án.

- Phát hành thành công 100% đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường 2016 thông qua ngày 06/12/2017 tăng vốn điều lệ Công ty từ 27 tỷ đồng lên 40,5 tỷ đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

#### 1. Hội đồng quản trị:

##### 1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên:

- |                          |                 |
|--------------------------|-----------------|
| 1. Ông Phạm Xuân Hà      | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Hoàng Minh Thọ    | - Ủy viên       |
| 3. Ông Trần Vũ Tuấn      | - Ủy viên       |
| 4. Ông Phạm Ngọc Quý     | - Ủy viên       |
| 5. Bà Phan Thị Bích Ngọc | - Ủy viên       |

##### 1.2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2017:

HĐQT Công ty Cổ phần Vang Thăng Long luôn coi trọng công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các bộ phận quản lý nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng Pháp luật.

Trong năm 2017, HĐQT Công ty đã tiến hành triệu tập họp 8 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng.

Tại các phiên họp, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Các phiên họp HĐQT mở rộng đều có sự tham dự của Ban điều hành Công ty. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên.

Qua các cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng, HĐQT Công ty đã ban hành 03 Nghị quyết và 01 Quyết định chỉ đạo đối với các hoạt động của Công ty một cách kịp thời, cùng Ban điều hành thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### 2. Ban kiểm soát:

##### 2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm các thành viên:

- |                         |                        |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Bà Trần Thu Hà       | - Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan | - Ủy viên              |
| 3. Bà Nguyễn Bích Thu   | - Ủy viên              |

##### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm tài chính 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT mở rộng.

Ban kiểm soát Công ty luôn theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ban kiểm soát đã tổ chức các buổi làm việc tại Công ty để kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn và kiểm tra số liệu của báo cáo tài chính năm. Chuẩn bị đầy đủ số liệu để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

#### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành:

##### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm tài chính 2017 (từ 01/4/2017 đến 31/3/2018) của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2018:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
1	Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT, kiêm nhiệm điều hành Công ty	207.214.245	
2	Hoàng Minh Thọ	Ủy viên HĐQT	60.500.000	
3	Trần Vũ Tuấn	Ủy viên HĐQT	60.500.000	
4	Phạm Ngọc Quý	Ủy viên HĐQT	60.500.000	
5	Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên HĐQT	60.500.000	
6	Trần Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	41.500.000	
7	Phạm Thị Ngọc Lan	Ủy viên BKS	95.652.729	
8	Nguyễn Bích Thu	Ủy viên BKS	179.521.786	
9	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	150.415.578	

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

**1. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/3/2018 của Công ty cổ phần Vang Thăng Long:**

\* *Đơn vị thực hiện kiểm toán:* Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội: Liên kê 07 TT2/96B Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội

\* *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:*

1. Tại ngày 31/03/2018, một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 2.058.191.541 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất gồm: "Chi phí quản lý doanh nghiệp" tăng lên và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" giảm đi cùng số tiền 2.058.191.541 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm: "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" tăng lên và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm đi cùng số tiền 2.058.191.541 đồng.

2. Tại ngày 31/03/2018, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn số tiền 320.000.000 đồng (trong đó dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty cổ phần Rượu Hapro là 120.000.000 đồng, Công ty cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long 200.000.000 đồng). Nếu thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất gồm: "Chi phí tài chính" tăng lên, "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" giảm đi cùng số tiền 320.000.000 đồng, "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" giảm đi số tiền 64.000.000 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm: "Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn" tăng lên số tiền 320.000.000 đồng, "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" giảm đi số tiền 64.000.000 đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm đi số tiền 256.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**\* Ý kiến của kiểm toán viên tại Báo cáo kiểm toán số: 212/2018/BCKT-AASCN ngày 11/06/2018 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

**2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2017 của Công ty CP Vang Thăng Long được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>100.959.315.722</b>	<b>88.090.802.001</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>4.317.824.263</b>	<b>2.063.940.796</b>
1.	Tiền	111		4.317.824.263	2.063.940.796
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>3.750.000.000</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.200.000.000	3.750.000.000
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>24.450.697.573</b>	<b>24.245.937.665</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	19.415.369.220	19.709.564.176
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.693.728.569	1.371.689.105
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	3.341.599.784	3.164.684.384
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu, chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>66.747.406.865</b>	<b>57.867.588.741</b>
1.	Hàng tồn kho	141		66.747.406.865	57.867.588.741
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>243.387.021</b>	<b>163.334.799</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	119.855.495	85.128.463
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		123.531.526	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	78.206.336
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>44.640.405.500</b>	<b>43.292.439.852</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.200.883.894</b>	<b>17.907.863.210</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	18.186.140.095	17.883.234.183
	- Nguyên giá	222		55.980.639.343	54.094.724.135
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(37.794.499.248)	(36.211.489.952)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	14.743.799	24.629.027
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(80.256.201)	(70.370.973)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.07</b>	<b>3.625.003.066</b>	<b>2.549.989.544</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.625.003.066	2.549.989.544
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>1.597.663.713</b>	<b>1.357.685.952</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		397.663.713	157.685.952
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.216.854.827</b>	<b>21.476.901.146</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21.216.854.827	21.476.901.146
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>145.599.721.222</b>	<b>131.383.241.853</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>99.924.922.636</b>	<b>99.990.073.109</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>97.367.933.596</b>	<b>96.300.428.169</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.514.788.397	7.596.942.544
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	17.748.507.391	19.375.514.835
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.513.405.099	6.979.584.998
4.	Phải trả người lao động	314		664.525.303	511.420.703
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	204.041.929	237.133.570
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	651.972.447	1.563.627.028
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	69.069.122.277	60.034.636.738
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.570.753	1.570.753
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.556.989.040</b>	<b>3.689.644.940</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.11	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	2.556.989.040	3.689.644.940
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>45.674.798.586</b>	<b>31.393.168.744</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>45.674.798.586</b>	<b>31.393.168.744</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.500.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.500.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.699.043.125	2.917.413.283
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		277.413.283	216.517.521
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.421.629.842	2.700.895.762
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>145.599.721.222</b>	<b>131.383.241.853</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.01	74.276.377.845	82.754.973.020
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	716.367.807	2.974.397.309
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		73.560.010.038	79.780.575.711
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	57.384.759.576	61.664.639.013
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		16.175.250.462	18.115.936.698
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	338.253.075	246.361.186
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	6.780.767.595	6.297.839.185
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.756.877.510	6.296.954.640
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		69.977.761	57.685.952
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	2.684.855.764	3.509.639.953
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	3.983.097.732	4.823.665.727
11.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		3.134.760.207	3.788.838.971
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	993.800.896	927.191.588
13.	Chi phí khác	32	VI.07	85.352.871	859.429.596
14.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		908.448.025	67.761.992
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		4.043.208.232	3.856.600.963
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	621.578.390	1.155.705.201
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		3.421.629.842	2.700.895.762
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		3.421.629.842	2.700.895.762
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	VI.10	876	923
22.	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	71	VI.11	876	923

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		88.663.138.261	94.930.024.917
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(64.110.941.992)	(61.148.213.862)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.920.746.363)	(5.460.507.352)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(6.763.037.110)	(6.327.609.820)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		-	(1.500.365.436)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.221.632.955	3.984.021.241
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(25.428.765.575)	(15.878.439.442)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(13.338.719.824)</b>	<b>8.598.910.246</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.496.191.637)	(6.029.146.454)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		393.636.364	927.090.909
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.450.000.000)	(3.750.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(170.000.000)	(100.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		338.253.075	246.361.186
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.384.302.198)</b>	<b>(8.705.694.359)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.500.000.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		90.685.018.139	64.846.626.541
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(82.783.188.500)	(65.881.208.603)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.424.924.150)	(2.099.167.936)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>18.976.905.489</b>	<b>(3.133.749.998)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>2.253.883.467</b>	<b>(3.240.534.111)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>2.063.940.796</b>	<b>5.304.474.907</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>4.317.824.263</b>	<b>2.063.940.796</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến 31 tháng 3 năm 2018

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính hiện tại bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Cửa hàng Kinh doanh tổng hợp	Số 89, Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long – Chi nhánh Ninh Thuận	Số 62a Lê Duẩn, thành phố Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận

- Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Số 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	45%	45%	45%

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

### **02. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

#### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***



Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

**03. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

**06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**08. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **11. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Các khoản chiết khấu thanh toán.
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**  
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

15. **Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

*Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:*

**Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền cho khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Thuế thu nhập doanh nghiệp". Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:**

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của công ty con.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

01. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.123.727.805	184.621.730
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.194.096.458	1.879.319.066
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.317.824.263</b>	<b>2.063.940.796</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	5.200.000.000	5.200.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(*)</sup>	5.200.000.000	5.200.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>3.750.000.000</b>	<b>3.750.000.000</b>

(\*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng, lãi suất 6,5%/năm.

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			270.000.000	397.663.713	-			100.000.000	157.685.952	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long <sup>(a)</sup>	45	45	270.000.000	397.663.713	-	45	45	100.000.000	157.685.952	-
- Đầu tư vào đơn vị khác			1.200.000.000	1.200.000.000	-			1.200.000.000	1.200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	2,5	2,5	1.000.000.000	1.000.000.000	-	2,5	2,5	1.000.000.000	1.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	4,76	4,76	200.000.000	200.000.000	-	4,7	4,7	200.000.000	200.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>1.470.000.000</b>	<b>1.597.663.713</b>	<b>-</b>			<b>1.300.000.000</b>	<b>1.357.685.952</b>	<b>-</b>

(\*): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên kết được xác định theo phương pháp vốn chủ.

(\*\*) Trong năm Công ty góp 170.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết góp là 270.000.000 đồng, tương đương 27.000 cổ phần, chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Vang Thăng Long.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	67.207.088	123.255.253
Doanh thu bán thành phẩm	41.506.944.211	28.285.275.682
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.756.100.188	2.043.636.832
Chuyển tiền góp vốn	170.000.000	100.000.000

**03. Phải thu của khách hàng**

**a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

- Công ty TNHH Tuấn Đạt
- Công ty cổ phần Thực phẩm Nông sản và Du lịch Thanh Hóa
- Hộ kinh doanh cá thể Công Thị Loan
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác

**b. Phải thu của khách hàng dài hạn**

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
19.415.369.220	19.709.564.176
2.736.809.496	2.095.753.496
-	11.445.734
-	563.506.569
9.512.070.355	7.017.384.544
7.166.489.369	10.021.473.833
-	-
<b>19.415.369.220</b>	<b>19.709.564.176</b>

**c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
9.512.070.355	7.017.384.544
<b>9.512.070.355</b>	<b>7.017.384.544</b>

**04. Trả trước cho người bán**

**a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

- Trung tâm Tư vấn Thiết kế và Xây dựng
- Cty CP dịch vụ địa chính Tây Hồ
- Công ty cổ phần công nghệ MNB Việt Nam
- Võ Thị Bích Liễu
- Công ty TNHH MTV Trường Lộc Thành
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác

**b. Trả trước cho người bán dài hạn**

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
1.693.728.569	1.371.689.105
198.000.000	-
395.500.000	395.500.000
596.750.000	-
350.000.000	-
-	348.000.000
153.478.569	628.189.105
-	-
<b>1.693.728.569</b>	<b>1.371.689.105</b>

**05. Phải thu khác**

**a. Ngắn hạn**

- Tạm ứng
- Phải thu khác

**b. Dài hạn**

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
3.341.599.784	-	3.164.684.384	-
1.054.689.472	-	867.188.554	-
2.286.910.312	-	2.297.495.830	-
-	-	-	-
<b>3.341.599.784</b>	<b>-</b>	<b>3.164.684.384</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó, các khoản chi khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên phát sinh từ năm 2010 đến ngày 31/12/2017 chưa có nguồn để bù đắp là 2.045.035.045 đồng. Theo Nghị quyết Đại hội đồng ciir đồng thường niên số 01/2018/CPVTL-ĐHCĐ ngày 05/06/2018, khoản chi quỹ khen thưởng phúc lợi này dự kiến được bù đắp từ lợi nhuận sau thuế năm 2018.

Đơn vị tính: VND

## 06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	8.897.612.252	-	7.694.403.542	-
- Công cụ, dụng cụ	291.433.844	-	514.811.961	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.792.321.482	-	38.156.337.725	-
- Thành phẩm	6.262.306.390	-	4.918.852.060	-
- Hàng hoá	1.425.102.163	-	2.100.062.833	-
- Hàng gửi đi bán	4.078.630.734	-	4.483.120.620	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>66.747.406.865</b>	<b>-</b>	<b>57.867.588.741</b>	<b>-</b>

## 07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>3.625.003.066</i>	<i>2.549.989.544</i>
- Xây dựng cơ bản	3.625.003.066	2.549.989.544
+ Công trình 89 Lạc Long Quân	1.713.885.855	929.691.727
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	1.911.117.211	1.620.297.817
<b>Cộng</b>	<b>3.625.003.066</b>	<b>2.549.989.544</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>						
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	13.355.914.367	35.537.378.608	2.905.469.690	349.239.818	1.946.721.652	54.094.724.135
- Mua trong năm	-	2.142.282.000	353.909.637	-	-	2.496.191.637
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	(190.571.429)	-	-	(610.276.429)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(419.705.000)	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	3.068.807.898	349.239.818	1.946.721.652	55.980.639.343
<b>Số dư cuối năm</b>	13.355.914.367	37.259.955.608	3.068.807.898	349.239.818	1.946.721.652	55.980.639.343
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	10.040.497.219	22.747.630.316	1.752.493.227	332.436.206	1.338.432.984	36.211.489.952
- Khấu hao trong năm	363.673.780	1.437.303.346	222.327.704	9.248.124	152.781.396	2.185.334.350
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(419.705.000)	(182.620.054)	-	-	(602.325.054)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	10.404.170.999	23.765.228.662	1.792.200.877	341.684.330	1.491.214.380	37.794.499.248
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	3.315.417.148	12.789.748.292	1.152.976.463	16.803.612	608.288.668	17.883.234.183
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	2.951.743.368	13.494.726.946	1.276.607.021	7.555.488	455.507.272	18.186.140.095

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 25.601.463.951 đồng.  
 Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 27.844.063.306 đồng và 11.127.978.035 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	60.000.000	35.000.000	95.000.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	60.000.000	35.000.000	95.000.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	51.278.977	19.091.996	70.370.973
- Khấu hao trong năm	5.510.232	4.374.996	9.885.228
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	56.789.209	23.466.992	80.256.201
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	8.721.023	15.908.004	24.629.027
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	3.210.791	11.533.008	14.743.799

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	119.855.495	85.128.463
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	5.336.364	-
- Phí bảo hiểm	55.882.333	47.204.644
- Các khoản khác	58.636.798	37.923.819
	21.216.854.827	21.476.901.146
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	583.206.973	244.005.508
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	19.610.806.856	20.248.935.200
- Chi phí sửa chữa	680.627.717	836.242.664
- Các khoản khác	342.213.281	147.717.774
<b>Cộng</b>	21.336.710.322	21.562.029.609

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

**11. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>60.034.636.738</b>	<b>60.034.636.738</b>	<b>91.817.674.039</b>	<b>82.783.188.500</b>	<b>69.069.122.277</b>	<b>69.069.122.277</b>
- Vay ngân hàng	39.529.227.047	39.529.227.047	60.991.312.488	57.588.594.998	42.931.944.537	42.931.944.537
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hồ <sup>(a)</sup>	9.716.562.994	9.716.562.994	11.914.814.930	15.416.562.994	6.214.814.930	6.214.814.930
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(b)</sup>	17.919.958.917	17.919.958.917	20.496.533.496	19.522.829.493	18.893.662.920	18.893.662.920
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(c)</sup>	11.892.705.136	11.892.705.136	28.579.964.062	22.649.202.511	17.823.466.687	17.823.466.687
- Vay đối tượng khác	18.919.753.791	18.919.753.791	29.000.705.651	23.608.937.602	24.311.521.840	24.311.521.840
+ Các cá nhân <sup>(d)</sup>	18.919.753.791	18.919.753.791	29.000.705.651	23.608.937.602	24.311.521.840	24.311.521.840
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.585.655.900	1.585.655.900	1.825.655.900	1.585.655.900	1.825.655.900	1.825.655.900
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(e)</sup>	1.193.655.900	1.193.655.900	1.193.655.900	1.193.655.900	1.193.655.900	1.193.655.900
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn <sup>(f)</sup>	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(g)</sup>	-	-	240.000.000	-	240.000.000	240.000.000
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>3.689.644.940</b>	<b>3.689.644.940</b>	<b>693.000.000</b>	<b>1.825.655.900</b>	<b>2.556.989.040</b>	<b>2.556.989.040</b>
<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>3.689.644.940</b>	<b>3.689.644.940</b>	<b>693.000.000</b>	<b>1.825.655.900</b>	<b>2.556.989.040</b>	<b>2.556.989.040</b>
- Vay ngân hàng	3.689.644.940	3.689.644.940	693.000.000	1.825.655.900	2.556.989.040	2.556.989.040
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(e)</sup>	2.611.644.940	2.611.644.940	-	1.193.655.900	1.417.989.040	1.417.989.040
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn <sup>(f)</sup>	1.078.000.000	1.078.000.000	-	392.000.000	686.000.000	686.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(g)</sup>	-	-	693.000.000	240.000.000	453.000.000	453.000.000
<b>Cộng</b>	<b>63.724.281.678</b>	<b>63.724.281.678</b>	<b>92.510.674.039</b>	<b>84.608.844.400</b>	<b>71.626.111.317</b>	<b>71.626.111.317</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, lãi suất vay trong năm là 8,9%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/259662/HĐTDHM ngày 21/6/2017, với hạn mức là 20.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 03 xe ô tô 03 xe nâng hàng, 108 tank inox, hợp đồng tiền gửi, 58 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8a phố Đặng Tất, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội lãi suất vay trong năm là 9,7%/năm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 73/2017/HDTD/TLG/01 ngày 14/3/2017 để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay từ 8,6%/năm đến 9,3%/năm.
- (d) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất từ 7,5%/năm đến 9,5%/năm.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (e) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua Tank và ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất trong năm từ 9,4%/năm - 10,1%/năm.
- (f) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua tank inox, hệ thống xiết nắp chai và máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất 8,27%/năm.
- (g) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/259662/HĐTDTH ngày 06/02/2018 để thanh toán tiền lần 2, lần 3 tiền mua máy đóng nút co tự động 4 đầu của hãng Robino & Galandrino - Italia, với gốc vay là 693.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 10,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/259662/HĐBĐ ngày 06/02/2018.

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	3.514.788.397	3.514.788.397	7.596.942.544	7.596.942.544
	1.366.041.600	1.366.041.600	4.209.420.600	4.209.420.600
	1.956.600.000	1.956.600.000		
	192.146.797	192.146.797	3.387.521.944	3.387.521.944
	3.514.788.397	3.514.788.397	7.596.942.544	7.596.942.544

a. Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH thủy tinh Sammigel Yamamura Hải Phòng
- Chi nhánh KDTH - Cty CP XNK Lương thực phẩm Hà Nội
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác

b. Phải trả người bán dài hạn

Cộng

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	17.748.507.391	19.375.514.835
	16.500.000.000	16.500.000.000
	1.248.507.391	2.875.514.835
	17.748.507.391	19.375.514.835

a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tấn Á
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác

b. Người mua trả tiền trước dài hạn

Cộng

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm				
	-	899.609.055	5.305.133.689	6.149.248.060	-	6.149.248.060	-	55.494.684	-	-	-	55.494.684
	-	6.040.050.091	11.337.000.489	12.499.567.764	11.337.000.489	12.499.567.764	-	4.877.482.816	-	-	-	4.877.482.816
	-	-	1.013.938.081	1.013.938.081	1.013.938.081	1.013.938.081	-	-	-	-	-	-
	-	-	621.578.390	621.578.390	621.578.390	621.578.390	-	-	-	-	-	-
	78.206.336	39.922.852	205.236.284	205.236.284	205.236.284	208.103.591	-	208.103.591	-	-	-	543.372.054
	-	-	2.780.801.308	2.780.801.308	2.780.801.308	2.780.801.308	-	37.055.545	-	-	-	37.055.545
	78.206.336	6.979.581.998	21.272.688.241	21.272.688.241	21.272.688.241	22.660.658.804	-	5.513.405.099	-	-	-	5.513.405.099

Cộng

Đơn vị tính: VND

**15. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>204.041.929</b>	<b>237.133.570</b>
- Chi phí lãi vay	64.756.856	62.133.570
- Các khoản trích trước khác	139.285.073	175.000.000
<b>b. Chi phí phải trả dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>204.041.929</b>	<b>237.133.570</b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>651.972.447</b>	<b>1.563.627.028</b>
- Kinh phí công đoàn	23.219.924	23.341.992
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	628.752.523	1.540.285.036
+ Cổ tức phải trả	65.907.914	60.832.064
+ Các đối tượng khác	562.844.609	1.479.452.972
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>651.972.447</b>	<b>1.563.627.028</b>

**17. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>2.826.517.521</b>	<b>31.302.272.982</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	2.700.895.762	2.700.895.762
Chia cổ tức	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	(2.610.000.000)	(2.610.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>2.917.413.283</b>	<b>31.393.168.744</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>2.917.413.283</b>	<b>31.393.168.744</b>
Tăng vốn trong năm nay <sup>(*)</sup>	13.500.000.000	-	-	13.500.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	3.421.629.842	3.421.629.842
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận <sup>(**)</sup>	-	-	(2.640.000.000)	(2.640.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>40.500.000.000</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>3.699.043.125</b>	<b>45.674.798.586</b>

(\*) Tăng vốn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 12 năm 2016. Mục đích sử dụng vốn theo tờ trình ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường của Công ty, cụ thể:

	Số tiền
Dầu tư mở rộng hệ thống phân phối	4.000.000.000
Nhập nguyên vật liệu	6.000.000.000
Nghiên cứu sản phẩm	3.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.500.000.000</b>

Thực tế vốn huy động được từ đợt phát hành trong năm là 13.500.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**  
Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tổng số vốn tăng trong năm được Công ty sử dụng như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Số tiền</u>
Chi phí nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12.824.574.994
Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	643.885.600
<b>Cộng</b>	<b>13.468.460.594</b>

Ngày 29/05/2018, Hội đồng quản trị ra Nghị quyết số 20/NQ/CPVTL-HĐQT về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 06/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Mục đích sử dụng vốn được thay đổi là: Mua nguyên vật liệu, thanh toán tiền vay mua nguyên vật liệu và mua sắm thiết bị máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc thay đổi mục đích sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/CPVTL-DHĐCĐ ngày 05/06/2018.

(\*\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Vang Thăng Long số 01/CPVTL ngày 23 tháng 5 năm 2017. Chi tiết phân phối lợi nhuận trong năm:

	<u>Số cuối năm</u>
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	210.000.000
Trích cổ tức chi trả	2.430.000.000
<b>Tổng phân phối lợi nhuận</b>	<b>2.640.000.000</b>

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	16.199.320.000	40	10.799.550.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	24.300.680.000	60	16.200.450.000	60
<b>Cộng</b>	<b>40.500.000.000</b>	<b>100</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	13.500.000.000	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	40.500.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	2.430.000.000	2.160.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.050.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.050.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.050.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.050.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.050.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Công ty**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
<b>Cộng</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>1.475.755.461</b>

**18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	300.006.933	-
+ Công ty TNHH Hoàng Anh I	16.500.000	-
+ Văn phòng Tư vấn chuyên giao CNXD	44.380.000	-
+ Công ty TNHH SX TM dịch vụ Long Phan	24.750.000	-
+ Công ty CP định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam	35.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Sáng tạo	4.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển thương hiệu Hoa Lan	20.900.000	-
+ DNTN Thành Công (Lạng Sơn)	13.377.901	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

+ DNTN Hoàng Anh (Uông Bí, Quảng Ninh)	35.875.176	-
+ Hộ kinh doanh Minh Đức	98.455.456	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Việt Thành	6.768.400	-
<b>Cộng</b>	<b>300.006.933</b>	<b>-</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	35.033.445.933	33.154.903.759
- Doanh thu bán thành phẩm	31.617.238.857	29.719.478.747
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.433.966.563	2.070.666.832
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.191.726.492	17.809.923.682
<b>Cộng</b>	<b>74.276.377.845</b>	<b>82.754.973.020</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	362.745.716	291.538.414
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	353.622.091	2.682.858.895
<b>Cộng</b>	<b>716.367.807</b>	<b>2.974.397.309</b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	33.147.112.583	30.118.734.152
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	23.563.904.513	21.631.245.016
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	310.474.000	122.521.512
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	363.268.480	9.790.494.199
- Giá trị hàng tồn kho hủy trong năm	-	1.644.134
<b>Cộng</b>	<b>57.384.759.576</b>	<b>61.664.639.013</b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	338.253.075	246.361.186
<b>Cộng</b>	<b>338.253.075</b>	<b>246.361.186</b>

**05. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	6.756.877.510	6.296.954.640
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	10.497.393	884.545
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.739.266	-
- Chi phí tài chính khác	653.426	-
<b>Cộng</b>	<b>6.780.767.595</b>	<b>6.297.839.185</b>

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>06. Thu nhập khác</b>		
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	386.775.898	927.090.909
- Các khoản khác	607.024.998	100.679
<b>Cộng</b>	<b>993.800.896</b>	<b>927.191.588</b>
<b>07. Chi phí khác</b>		
- Các khoản bị phạt hành chính	84.856.712	859.415.765
- Các khoản khác	504.159	13.831
<b>Cộng</b>	<b>85.360.871</b>	<b>859.429.596</b>
<b>08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>3.983.097.732</b>	<b>4.823.665.727</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.968.681.319	1.471.309.414
- Chi phí đồ dùng văn phòng	87.617.814	169.700.109
- Chi phí khấu hao TSCĐ	81.337.159	86.652.132
- Thuế, phí và lệ phí	292.737.298	1.833.241.162
- Chi phí dự phòng	300.006.933	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.062.730.429	702.602.125
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	189.986.780	560.160.785
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>2.684.855.764</b>	<b>3.509.639.953</b>
- Chi phí nhân viên	816.699.023	684.680.697
- Chi phí vật liệu, bao bì	30.150.367	12.870.429
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.804.546	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	123.816.792	126.816.792
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	985.509.806	1.934.828.872
- Chi phí khác	724.875.230	750.443.163
<b>Cộng</b>	<b>6.667.953.496</b>	<b>8.333.305.680</b>
<b>09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	621.578.390	1.155.705.201
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>621.578.390</b>	<b>1.155.705.201</b>

Đơn vị tính: VND

10. **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3,421.629.842	2.700.895.762
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3,421.629.842	2.700.895.762
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(*)</sup>	-	210.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.905.753	2.700.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>876</b>	<b>923</b>

<sup>(\*)</sup>Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận tại chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2018.

11. **Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3,421.629.842	2.700.895.762
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3,421.629.842	2.700.895.762
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(*)</sup>	-	210.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.905.753	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>876</b>	<b>923</b>

<sup>(\*)</sup>Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận tại chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2018.

12. **Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.274.253.854	14.537.454.066
- Chi phí nhân công	9.238.210.171	7.341.183.754
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.195.219.578	2.305.104.328
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.453.339.032	13.067.403.838
- Chi phí khác	6.240.763.526	5.531.259.997
- Chi phí dự phòng	300.006.933	-
<b>Cộng</b>	<b>41.701.793.094</b>	<b>42.782.405.983</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**02. Giao dịch với các bên liên quan**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Tiền lương, thưởng, phụ cấp  
Cộng

	Năm nay	Năm trước
	305.380.676	238.267.808
	<u>305.380.676</u>	<u>238.267.808</u>

**03. Thay đổi chính sách kế toán**

**Điều chỉnh hồi tố**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến 31 tháng 3 năm 2017 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.000	(77)	923
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.000	(77)	923

**04. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển, dịch vụ nhân công;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất rượu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
<b>Năm nay</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	30.900.871.050	35.033.445.933	2.433.966.563	5.191.726.492	73.560.010.038
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	29.041.915.019	39.357.733.137	741.960.037	1.283.641.638	70.425.249.831
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	<b>1.858.956.031</b>	<b>(4.324.287.204)</b>	<b>1.692.006.526</b>	<b>3.908.084.854</b>	<b>3.134.760.207</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.302.240.909	181.351.257	12.599.471	-	2.496.191.637
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.218.533.241	885.708.861	61.535.076	131.256.233	3.297.033.411
<b>Số dư cuối năm nay</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	64.319.640.246	57.622.060.210	4.003.322.086	8.539.210.704	134.484.233.246
- Tài sản không phân bổ					11.115.487.976
<b>Tổng tài sản</b>	<b>64.319.640.246</b>	<b>57.622.060.210</b>	<b>4.003.322.086</b>	<b>8.539.210.704</b>	<b>145.599.721.222</b>
- Nợ phải trả bộ phận	35.044.234.467	39.730.928.343	2.760.326.554	22.387.862.519	99.923.351.883
- Nợ phải trả không phân bổ					1.570.753
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>35.044.234.467</b>	<b>39.730.928.343</b>	<b>2.760.326.554</b>	<b>22.387.862.519</b>	<b>99.924.922.636</b>

	Sản xuất rượu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
<b>Năm trước</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	26.745.081.438	33.154.903.759	2.070.666.832	17.809.923.682	79.780.575.711
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	26.435.805.048	36.072.734.133	494.374.508	12.988.823.051	75.991.736.740
<b>- Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>309.276.390</b>	<b>(2.917.830.374)</b>	<b>1.576.292.324</b>	<b>4.821.100.631</b>	<b>3.788.838.971</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.029.146.454	-	-	-	6.029.146.454
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.717.669.170	1.754.173.541	109.555.708	1.190.137.679	5.771.536.098
<b>Số dư cuối năm trước</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	50.142.034.551	46.304.269.403	2.891.901.467	24.873.409.684	124.211.615.105
- Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	7.171.626.748
<b>Tổng tài sản</b>	<b>50.142.034.551</b>	<b>46.304.269.403</b>	<b>2.891.901.467</b>	<b>24.873.409.684</b>	<b>131.383.241.853</b>
- Nợ phải trả bộ phận	33.519.445.235	41.552.835.927	2.595.153.940	22.321.067.254	99.988.502.356
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.570.753
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>33.519.445.235</b>	<b>41.552.835.927</b>	<b>2.595.153.940</b>	<b>22.321.067.254</b>	<b>99.990.073.109</b>

**Khu vực địa lý kinh doanh:**

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm <sup>a</sup>		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.317.824.263	-	2.063.940.796	-	4.317.824.263	2.063.940.796
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.646.344.487	-	19.859.924.961	-	19.646.344.487	19.859.924.961
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.200.000.000	-	3.750.000.000	-	5.200.000.000	3.750.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.364.168.750</b>	<b>-</b>	<b>26.873.865.757</b>	<b>-</b>	<b>30.364.168.750</b>	<b>26.873.865.757</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	3.514.788.397	7.596.942.544	3.514.788.397	7.596.942.544
Vay và nợ	71.626.111.317	63.724.281.678	71.626.111.317	63.724.281.678
Chi phí phải trả	204.041.929	237.133.570	204.041.929	237.133.570
Các khoản phải trả khác	108.801.550	372.857.055	108.801.550	372.857.055
<b>Cộng</b>	<b>75.453.743.193</b>	<b>71.931.214.847</b>	<b>75.453.743.193</b>	<b>71.931.214.847</b>

**Tài sản đảm bảo**

**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**  
 Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.08 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Điều kiện thế chấp	Đơn vị tính: VND
<b>Số cuối năm</b>				
<b>Tài sản thế chấp tại ngân hàng</b>				
<b>TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng</b>	19.833.555.295	5.976.221.548	Giải chấp khi các khoản vay được trả	
Máy móc thiết bị	1.830.012.678	535.323.013		
Phương tiện vận tải truyền dẫn				
<b>Tài sản thế chấp tại Ngân hàng</b>				
<b>TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn</b>	2.800.000.000	2.365.448.016	Giải chấp khi các khoản vay được trả	
Máy móc thiết bị				
<b>Tài sản thế chấp tại ngân hàng</b>				
<b>TMCP Tiên Phong</b>	5.352.210.000	4.201.532.798	Giải chấp khi các khoản vay được trả	
Máy móc thiết bị	828.285.333	414.900.676		
Phương tiện vận tải truyền dẫn				
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.844.063.306</b>	<b>11.127.978.035</b>		
<b>Số đầu năm</b>				
<b>Tài sản thế chấp tại ngân hàng</b>				
<b>TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng</b>	19.203.260.295	5.438.083.706	Giải chấp khi các khoản vay được trả	
Máy móc thiết bị	2.020.584.107	674.919.631		
Phương tiện vận tải truyền dẫn				
<b>Tài sản thế chấp tại ngân hàng</b>				
<b>TMCP Tiên Phong</b>	5.352.210.000	4.678.420.454	Giải chấp khi các khoản vay được trả	
Máy móc thiết bị	828.285.333	478.056.832		
Phương tiện vận tải truyền dẫn				
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.404.339.735</b>	<b>11.269.480.623</b>		

**07. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**08. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.



Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	3.514.788.397	-	-	3.514.788.397
Vay và nợ	69.069.122.277	2.556.989.040	-	71.626.111.317
Chi phí phải trả	204.041.929	-	-	204.041.929
Các khoản phải trả khác	108.801.550	-	-	108.801.550
<b>Cộng</b>	<b>72.896.754.153</b>	<b>2.556.989.040</b>	-	<b>75.453.743.193</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	7.596.942.544	-	-	7.596.942.544
Vay và nợ	60.034.636.738	3.689.644.940	-	63.724.281.678
Chi phí phải trả	237.133.570	-	-	237.133.570
Các khoản phải trả khác	372.857.055	-	-	372.857.055
<b>Cộng</b>	<b>68.241.569.907</b>	<b>3.689.644.940</b>	-	<b>71.931.214.847</b>

#### 09. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

##### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### 10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “Lãi suy giảm trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại theo quy định của chế độ kế toán (chi tiết thuyết minh số VIII.03).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**  
99 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

\* Toàn bộ Báo cáo tài chính năm tài chính 2017 của Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã kiểm toán được đăng đầy đủ trên website: <http://www.vangthanglong.com.vn>.

\* Cơ cấu cổ đông trình bày trong báo cáo là danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 11/05/2018 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Công ty không có danh sách cổ đông tại thời điểm 31/3/2018.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2018

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



*Phạm Xuân Hà*  
**Phạm Xuân Hà**